

NGHỊ QUYẾT
VỀ VIỆC BỔ SUNG DỰ TOÁN, BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NĂM 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022;

Xét Tờ trình số 2103/TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán chi năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán chi năm 2022.

- Bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu năm 2022, số tiền 287.972.520.586 đồng (Hai trăm tám mươi bảy tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ngàn, năm trăm tám mươi sáu đồng).

- Giảm dự toán 2022, số tiền 20.230.451.000 đồng (Hai mươi tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi một ngàn đồng).

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tài chính, KH-ĐT, Cục thuế, KBNN, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

BỔ SUNG DỰ TOÁN VÀ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022 ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN PHÁT SINH NGOÀI DỰ TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn bổ sung
	TỔNG CỘNG:	287.972.520.586	
I	VỐN SỰ NGHIỆP:	277.672.520.586	
*	SỞ, BAN NGÀNH TỈNH:	185.365.497.706	
1	Sở Xây dựng	6.174.872.016	
	Kinh phí để thanh toán chi phí tư vấn lập đơn giá và định mức (phần bổ sung) sản phẩm, dịch vụ công ích tỉnh Trà Vinh	1.133.450.000	Tồn quỹ ngân sách năm 2021
	Kinh phí lập Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2040 và thực hiện công tác khảo sát đo đạc (bổ sung) bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch	5.041.422.016	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
2	Sở Nội vụ	7.389.839.973	
	Kinh phí lập Đề án điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để mở rộng địa giới hành chính thành phố Trà Vinh	7.389.839.973	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
3	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.480.936.000	
	- Văn phòng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.413.886.000	
	Kinh phí nâng cấp, cải tạo Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh	2.700.000.000	Mua sắm, sửa chữa năm 2022
	Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo	225.000.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ chính sách khác trong sự nghiệp giáo dục năm 2022
	Bổ trí vốn thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành công trình Dự án Nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Trà Vinh	23.570.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
	Bổ trí vốn thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành công trình Dự án Nâng cấp, cải tạo Cơ sở tư vấn và Điều trị nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh	37.816.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
	Bổ trí vốn thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành công trình Cải tạo, sửa chữa Nghĩa trang liệt sĩ huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	37.500.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
	Kinh phí thực hiện Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135	390.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 14827/BTC-NSNN ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính (đã chuyển nguồn sang năm 2022 theo Công văn số 630/STC-NS ngày 10/3/2022 của Sở Tài chính)
	- Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	67.050.000	
	Kinh phí chi trả thù lao cho Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	67.050.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn bổ sung
4	Sở Khoa học và Công nghệ	184.000.000	
	- Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	184.000.000	
	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	184.000.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
5	Hội Văn học Nghệ thuật	235.000.000	
	Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật	235.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 15297/BTC-NSNN ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính (đã chuyển nguồn sang năm 2022 theo Công văn số 630/STC-NS ngày 10/3/2022 của Sở Tài chính)
6	Hội Nhà báo	80.000.000	
	Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật	80.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 15297/BTC-NSNN ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính (đã chuyển nguồn sang năm 2022 theo Công văn số 630/STC-NS ngày 10/3/2022 của Sở Tài chính)
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	534.000.620	
	- Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	92.928.704	
	Kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước	92.928.704	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
	- Trung tâm Văn hóa	306.974.832	
	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	306.974.832	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế
	- Bảo tàng tổng hợp	134.097.084	
	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	134.097.084	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.301.388.000	
	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	1.301.388.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chính sách khác năm 2022
9	Trường Cao đẳng nghề	6.285.402.000	
	Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng nghề thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động	6.000.000.000	Trung ương bổ sung có mục tiêu theo Công văn số 14827/BTC-NSNN ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính (đã chuyển nguồn sang năm 2022 theo Công văn số 630/STC-NS ngày 10/3/2022 của Sở Tài chính)
	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	285.402.000	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	81.049.410.000	